|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 2** | **Câu 2:** **Đại hội IX của Đảng (2001) đã khẳng định: “bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”.**  **Bằng kiến thức đã học, đồng chí hãy chứng minh quan điểm trên là đúng đắn.**  **Trả lời:**  **1. Mở bài:** Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam bên cạnh những cơ hội, cũng còn nhiều khó khăn, thách thức. Việc nhận thức rõ cơ hội và thách thức trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa giúp Đảng và Nhà nước xác định rõ con đường đi lên CNXH. Đại hội IX của Đảng đã xác định “Bỏ qua… đại”.  **2. Thân bài**  **\* Giải thích:**  **- “Bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua cái gì?**  + Thời kì trước đổi mới, do mắc phải lối tư duy siêu hình, bỏ qua, xóa bỏ có lúc được hiểu là xóa bỏ mọi thứ của chủ nghĩa tư bản…  + Luận điểm trên của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, là kết quả của quá trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn của Đảng ta sau 15 năm đổi mới (1986-2001) -> Chứng minh nhận thức là một quá trình.  + Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH), bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa (TBCN) thuộc hình thức quá độ gián tiếp, bỏ qua việc xác lập vị trí chi phối của quan hệ sản xuất TBCN (trong thời kì quá độ vẫn còn tồn tại ở mức độ nhất định các quan hệ sản xuất tư bản và tiền tư bản) chúng vận động và tác động đến sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN -> Nhà nước cần có chính sách để các quan hệ này vận động, đóng góp vào sự phát triển chung, đồng thời hạn chế tác động tiêu cực của chúng.  + Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan hệ sản xuất phải phù hợp trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong thời kì quá độ ở Việt Nam, trình độ của lực lượng sản xuất còn thấp, đa dạng nên cần có các quan hệ sản xuất đa dạng -> Tạo điều kiện để khai thác các nguồn lực và mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển -> Thúc đẩy xây dựng nền sản xuất hiện đại, nâng cao đời sống cho nhân dân.  + Trên phạm vi toàn quốc, chúng ta bỏ qua việc xác lập vị trí chi phối của quan hệ sản xuất TBCN, song trong phạm vi cụ thể của từng doanh nghiệp, hay các đặc khu kinh tế (đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), quan hệ kinh tế, cách thức quản lý theo kiểu TBCN vẫn tồn tại, sự vận hành và chi phối của quan hệ sản xuất TBCN vẫn diễn ra trong quá trình sản xuất, song chỉ trong một không gian và thời gian nhất định -> Tất cả các quan hệ đó vẫn phải trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  + Việc bỏ qua chế độ TBCN ở Việt Nam còn bao gồm bỏ qua việc tước đoạt ruộng đất của nông dân, cũng như việc tước đoạt tư liệu sản xuất của người lao động, đẩy những người lao động trở thành người làm thuê; bỏ qua sự thống trị, áp bức, bóc lột giai cấp... Bởi vì, trong thời kỳ quá độ -> về mặt kinh tế phải dần dần xác lập quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, giai cấp công nhân, nhân dân lao động, đội ngũ doanh nhân cùng là người làm chủ xã hội, cùng xây dựng xã hội mới.  **- Tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN:**  + Cần nhận thức đúng đó là thành tựu mà nhân loại đã tạo ra, vì CNTB là một giai đoạn phát triển của nhân loại, có bước tiến dài so với các xã hội trước đó…  + Theo quan điểm của phủ định biện chứng, để ra đời cái mới - CNXH thì cần phải kế thừa những hạt nhân (tích cực) của cái cũ… -> CNXH có đặc trưng kinh tế là một nền sản xuất lớn nên tất yếu phải kế thừa nền sản xuất lớn mà nhân loại đã tạo ra trong CNTB; kế thừa cuộc cách khoa học và công nghệ để hiện đại hóa nền sản xuất; kế thừa kinh nghiệm tổ chức quản lý của nền sản xuất TBCN để nâng cao hiệu quả sản xuất…  **\* Hậu quả:** Trước đây các nước XHCN đã không tuân thủ và vận dụng đúng các nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa Mác – Lênin, đặc biệt là quy luật phủ định của phủ định, quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX nên khi xóa bỏ CNTB đã không kế thừa những điểm tích cực mà nhân loại đã tạo ra trong CNTB dẫn đến kinh tế rơi vào trì trệ, khủng hoảng, đời sống nhân dân rất thấp.  **\* Biện pháp:** Từ khi đổi mới, đặc biệt nghiên cứu sâu lý luận và tổng kết thực tiễn, Đảng ta đã nhận thức đúng đắn hơn về CNTB, nhận thức và vận dụng sáng tạo các quy luật của chủ nghĩa Mác – Lênin, có những chính sách để thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế…  **3. Kết luận:**  - Khẳng định luận điểm là đúng đắn, khoa học, sáng tạo -> Nhờ vậy mà Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế…  - Nhận thức của bản thân… |
| **Câu 3** | **Câu 3: Có quan điểm cho rằng, Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản là trái quy luật, là duy ý chí nên chỉ thất bại.**  **Bằng kiến thức đã học, đồng chí hãy phân tích, phê phán quan điểm sai trái đó.**  **Trả lời:**  -> Dựa trên phương diện lý luận (chủ nghĩa Mác – Lênin) và thực tiễn (thế giới và Việt Nam) -> Quan điểm trên hoàn toàn sai trái, phản khoa học. Dựa trên những luận cứ sau để phán bác:  **Thứ nhất: Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tiến lên chủ nghĩa xã hội là hợp quy luật phát triển của lịch sử xã hội.**  - Sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội vừa bị chi phối bởi các quy luật phổ biến, vừa bị chi phối bởi các quy luật đặc thù. Các quy luật phổ biến là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng... -> Sự tác động của các quy luật khách quan đó làm cho các hình thái kinh tế - xã hội phát triển thay thế nhau từ thấp đến cao, đó là con đường phát triển chung của lịch sử xã hội.  - Con đường phát triển của mỗi dân tộc còn bị chi phối bởi các điều kiện phát triển cụ thể của mỗi dân tộc, như về điều kiện tự nhiên, về chính trị, về truyền thống văn hóa, về tác động quốc tế,... Vì vậy, lịch sử phát triển của xã hội loài người còn tuân theo những quy luật đặc thù, rất phong phú, đa dạng. Tính đặc thù trong lịch sử phát triển xã hội loài người thể hiện ở hai điểm:  + Cùng một hình thái kinh tế - xã hội nhưng ở các nước khác nhau có những hình thức cụ thể (quá độ trực tiếp, gián tiếp).  + Có những dân tộc lần lượt trải qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội tuần tự từ thấp đến cao, nhưng cũng có những dân tộc bỏ qua một hay một số hình thái kinh tế - xã hội nào đó.  - Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ Chánh cương vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng đã xác định làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Đến Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) một lần nữa khẳng định: “Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”; “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”.  **- Thứ hai: Thực tiễn phát triển của cách mạng nước ta từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo đã xác nhận: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn.**  + Từ năm 1930 đến năm 1945, nhờ gắn vấn đề độc lập dân tộc với mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy được sức mạnh to lớn của dân tộc, tiến hành Cách mạng Tháng Tám năm 1945, giành được chính quyền trong cả nước.  + Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm, từ 1945 đến năm 1954, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ -> Đó là kết quả của đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.  + Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, năm 1954 miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng xác định nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của cách mạng cả nước. Với đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam được giải phóng, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội -> Đó là thắng lợi của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.  + Đại hội VI của Đảng (năm 1986) - Đại hội khởi xướng công cuộc đổi mới. Đến nay, công cuộc đổi mới đã qua hơn 35 năm và 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội -> Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.  **- Thứ ba: Quá độ lên CNXH là tất yếu khách quan, cách mạng Việt Nam không thể có sự lựa chọn nào khác.**  + Nhân dân Việt Nam đã từng chịu ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đã thấy rõ mặt trái của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc…. Nguyễn Ái Quốc đã rút ra cách mạng tư sản là “cách mạng chưa đến nơi”…; những năm đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi chủ nghĩa đế quốc, chúng ta thấu hiểu tội ác của chúng…  + Hiện nay, chủ nghĩa tư bản vẫn còn khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển, đạt được nhiều thành tựu to lớn trong lĩnh vực kinh tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, nhưng bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi -> Chủ nghĩa tư bản không phải là tấm gương phổ biến cho nhân loại, những mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa tư bản vẫn diễn ra gay gắt.  + CNXH mặc dù vẫn đang trong thời kì thoái trào (sau khi Liên Xô và Đông Âu sụp đổ) nhưng lý tưởng về một xã hội tốt đẹp vẫn thôi thúc giai cấp công nhân, nhân dân lao động đấu tranh; thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam đang dần khẳng định những giá trị của chủ nghĩa xã hội…  -> Như vậy, cả về lý luận và thực tiễn, cả thực tế trong nước và trên thế giới chỉ ra rằng, muốn thay đổi căn bản địa vị, cuộc sống của nhân dân lao động, muốn được giải phóng thực sự khỏi áp bức, bóc lột, bất công… không có con đường nào khác ngoài con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. |
| **Câu 4** | **Câu 4: Ở Việt Nam không cần và không chấp nhận chế độ đa đảng.**  **Bằng cơ sở lý luận và thực tiễn, đồng chí hãy phân tích luận điểm trên.**  **Hoặc có quan điểm cho rằng, Ở Việt Nam “không có đa nguyên, đa đảng thì không bao giờ có dân chủ”.**  **Bằng cơ sở lý luận và thực tiễn, đồng chí hãy phê phán luận điểm trên.**  **Trả lời**  **1. Các luận điệu phủ nhận vai trò lãnh đạo của ĐCS Việt Nam**  - Một trong những luận điệu tuyên truyền được các thế lực thù địch tập trung tung hô, cổ suý nhiều nhất ở Việt Nam hiện nay là đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập để “có dân chủ và phát triển”, chúng tuyên truyền rằng:  + “Đa đảng là dân chủ, độc đảng là độc tài”;  + Việt Nam phải đa đảng đối lập để có dân chủ “thực sự”;  + “Muốn thực sự có dân chủ cho người dân và phát triển xã hội phải thực hiện “đa nguyên, đa đảng”...  -> Căn cứ để phản bác quan điểm này: Quan điểm trên thực chất là muốn xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam -> Thể chế nhất nguyên chính trị, một đảng lãnh đạo hoàn toàn không đồng nghĩa với mất dân chủ, kém phát triển; phát triển không đồng nghĩa với đa nguyên, đa đảng. Biểu hiện:  + Trên thế giới, có không ít quốc gia đa đảng, nhưng vẫn mất dân chủ, vẫn là những nước nghèo, kém phát triển, ví dụ phần lớn các nước ở châu Phi; ngược lại, cũng có những nước chỉ một đảng lãnh đạo, nhưng dân chủ vẫn được bảo đảm, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống nhân dân sung túc. Ví dụ, vào cuối những năm 1980, Singapore, Hàn Quốc... theo chế độ một đảng duy nhất cầm quyền nhưng đất nước vẫn phát triển mạnh mẽ -> Như vậy, vấn đề dân chủ hoàn toàn không phụ thuộc vào số lượng đảng của một nước mà nó phụ thuộc chế độ chính trị, cơ chế hoạt động của đảng cầm quyền, vào trình độ, năng lực, bản lĩnh của đảng cầm quyền, vào trình độ dân trí và chế độ dân chủ. Chẳng hạn hiện nay, Armenia có khoảng 40 đảng, Hà Lan có 25 đảng, Na Uy có 23 đảng... nhưng không thể kết luận Armenia dân chủ hơn Hà Lan, Na Uy…  + Trên thế giới hiện nay có khoảng 30 quốc gia, vùng lãnh thổ theo chế độ một đảng (Việt Nam, Trung Quốc, Lào, Cu Ba, Triều Tiên, Syria, Turkmenistan, Eritrea…) -> Chế độ chính trị do một đảng cầm quyền không phải là đặc điểm riêng có ở các nước XHCN và không phải các nước theo chế độ một đảng là không có dân chủ, đất nước không phát triển -> Do đó, đa nguyên, đa đảng không phải là cứu cánh cho dân chủ và sự phát triển, TBT Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Không phải có nhiều đảng thì dân chủ hơn, ít đảng thì ít dân chủ hơn”.  **2. Lý do Việt Nam không cần và không chấp nhận chế độ đa đảng**  ***- Thứ nhất: Dưới góc độ lý luận:***  + Trong lịch sử, chế độ đa nguyên, đa đảng đã xuất hiện vào đầu thế kỷ XVIII, đây là thời điểm giai cấp tư sản đóng vai trò là lực lượng tiến bộ, tích cực, tiên phong trong đấu tranh chống phong kiến, bảo vệ quyền bình đẳng của các nhóm xã hội có lợi ích khác nhau, phát triển quyền tự do, dân chủ tư sản.  + Về bản chất, chủ nghĩa đa nguyên phủ định tính thống nhất của thế giới, cường điệu hóa cái riêng; phủ nhận sự phân chia giai cấp, phủ nhận đấu tranh giai cấp; chủ trương xây dựng một cơ chế quản lý xã hội theo nguyên tắc đa lực lượng, đa đảng phái... Vì vậy, đây là một học thuyết phi mácxít, nếu áp dụng quan điểm này vào chủ nghĩa xã hội sẽ dẫn tới hạ thấp vai trò của Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân thành một tổ chức tầm thường và nguy cơ phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.  + Chủ nghĩa đa nguyên là sản phẩm của giai cấp tư sản nên nó đối lập với chủ nghĩa Mác – Lênin, đối lập với với Đảng cộng sản, với chủ nghĩa xã hội:  -> Chủ nghĩa Mác – Lênin đã chỉ ra nhân tố chủ quan hàng đầu để giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình là họ phải tổ chức ra được một chính đảng cách mạng – Đảng cộng sản, đảng đó mang bản chất của giai cấp công nhân.  -> Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng -> Đây là một hệ tư tưởng khoa học, cách mạng, thống nhất -> Đảm cho Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện được sứ mệnh lịch sử -> Do đó, ở Việt Nam với sự thống nhất của hệ tư tưởng, của ĐCS; độc lập dân tộc gắn liền với CNXH… thì không có cơ sở cho sự tồn tại của chủ nghĩa đa nguyên - một thứ cơ sở lý luận cho việc thực hiện chế độ đa đảng.  ***- Thứ hai, căn cứ vào thực tiễn Việt Nam:***  + Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã cho thấy, các cuộc khởi nghĩa, các phong trào yêu nước trước khi Đảng Cộng sản VN ra đời đều thất bại, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đất nước là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử; là ý nguyện của nhân dân Việt Nam. Đảng ra đời ngày 3-2-1930 đã khẳng định lấy “chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt”, “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” -> Đây là một tất yếu lịch sử và cũng từ đây, chấm dứt thời kỳ cách mạng Việt Nam khủng hoảng về đường lối, mở ra một thời đại mới cho lịch sử dân tộc.  + Trong thời kỳ 1930 - 1945, lịch sử Việt Nam đã chứng minh, chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam chứ không cần thêm bất cứ một tổ chức, đảng phái chính trị nào khác lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 có công lao to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam.  + Trong những năm 1945-1946, do bối cảnh tình hình chính trị diễn biến phức tạp, ở Việt Nam, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam còn tồn tại một số đảng phái đối lập như Việt Nam Quốc dân đảng, Việt Nam Cách mạng đồng minh hội..., nhưng trên thực tế, chỉ có duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng. Các đảng phái, tổ chức đối lập thời kỳ này đã không vì lợi ích quốc gia, dân tộc mà âm mưu phá hoại cách mạng, xoá bỏ chính quyền cách mạng non trẻ, nên bị chính lịch sử và nhân dân ta loại bỏ.  + Trong cuộc trường chinh 30 năm (1945-1975), bên cạnh Đảng Cộng sản Việt Nam cũng tồn tại hai đảng khác là Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, cả hai đảng này chưa bao giờ đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam, mà đều ủng hộ, thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sau này hoàn toàn tự nguyện giải tán. Cũng trong thời gian này, còn có những đảng phái thân Pháp, thân Mỹ đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam, đi ngược lại quyền lợi của dân tộc nên cũng đã bị nhân dân ta đấu tranh loại bỏ.  + Từ sau năm 1975 đến nay, nền chính trị nhất nguyên, với vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng được củng cố, phát triển toàn diện. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đưa nước ta từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh, vượt qua khủng hoảng gay gắt về kinh tế - xã hội, trở thành một quốc gia đang phát triển hết sức năng động.  -> Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, đạt được những tiêu chí cao nhất trong hoạt động chính trị của một đảng cầm quyền (dù là chế độ đa đảng hay một đảng đều phải hướng tới vấn đề cốt tử nhất), đó là: chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng, văn hoá, xã hội phát triển bền vững, an sinh xã hội được bảo đảm. Chính thực tiễn này đã khẳng định, ở Việt Nam hiện nay không cần đa đảng và cũng đúng với nhận định của đồng chí Nguyễn Phú Trọng: “Ở Việt Nam chưa thấy sự cần thiết khách quan phải có chế độ đa đảng, ít nhất cho đến bây giờ”.  **- *Thứ ba: Căn cứ vào thực tiễn thế giới:***  + Sự đổ vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xôviết và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu vào thập niên cuối của thế kỷ XX. Đặc biệt, dưới tác động bởi những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, cùng với sự “phản bội” của một số người trong Uỷ ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, đứng đầu là M.Gorbachev đã đưa tới tại Đại hội bất thường của các đại biểu nhân dân ngày 15-3-1990, quyết định xoá bỏ Điều 6 Hiến pháp Liên Xô, hiến định về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Từ đây đã hình thành chế độ đa đảng ở Liên Xô, với sự ra đời của vô số các tổ chức, đảng phái chính trị, đối lập cạnh tranh vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, để rồi đưa tới một kết cục bi thảm: Đảng Cộng sản Liên Xô mất quyền lãnh đạo đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa được xây dựng trong hơn 70 năm hoàn toàn sụp đổ vào tháng 8-1991. Chính bài học thực tiễn đau xót này chỉ ra rằng, nếu hiện nay Việt Nam chấp nhận đa nguyên, đa đảng thì kết cục chắc chắn sẽ không khác gì như Liên Xô trước đây.  + Thực tiễn các nước TBCN, nhất là nước Mỹ với sự tồn tại của 112 đảng, nhưng chỉ có hai đảng (Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hoà) thay nhau cầm quyền. Tuy bề ngoài là chế độ đa đảng đối lập, nhưng xét về bản chất chỉ là một đảng - đảng của giai cấp tư sản. Vì thế, dù Đảng Dân chủ hay Đảng Cộng hoà nắm quyền, cũng đều là đảng của giai cấp tư sản, đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản; dân chủ ở Mỹ không gì khác là nền dân chủ tư sản, nền dân chủ chỉ dành cho một bộ phận thiểu số, một số ít người trong xã hội. Điều này giải thích tại sao ở Mỹ, bên cạnh “một xã hội” với những người có cuộc sống xa hoa, hào nhoáng thì vẫn còn tồn tại “một xã hội” hoàn toàn khác hẳn, gồm hàng chục triệu người phải sống trong sự bất công, thất nghiệp, đói nghèo, bệnh tật, không có quyền dân chủ… |
| **Câu 5** | **Câu 5: Ở Việt Nam chỉ cần một đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền – đó là Đảng cộng sản Việt Nam, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn liền với vai trò của Đảng.** **Bằng phương diện lý luận và thực tiễn, đồng chí hãy chứng minh nhận định trên.**  **Hoặc Ở Việt Nam, từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố chủ quan hàng đầu đưa đến mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.**  **Bằng phương diện lý luận và thực tiễn, đồng chí hãy chứng minh nhận định trên.**  **Trả lời:**  ***1. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh:***  - Chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới đủ khả năng lãnh đạo nhân dân giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Bên cạnh những thắng lợi vẻ vang, trong các chặng đường lịch sử, Đảng cũng không tránh khỏi những yếu kém, khuyết điểm, thậm chí là sai lầm. Song, Đảng không trốn tránh, giấu giếm mà đã dũng cảm nhìn nhận, đối diện, nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để đáp lại niềm tin, sự kỳ vọng của nhân dân bằng việc nỗ lực đưa đất nước phát triển bền vững.  - Những thế lực phản động, thù địch luôn lợi dụng những khuyết điểm, sai lầm để khoét sâu, thổi phồng nhằm quy kết Đảng Cộng sản Việt Nam không đủ sức lãnh đạo cách mạng trong điều kiện mới. Một trong những luận điệu được các thế lực thù địch tập trung tuyên truyền, cổ súy nhiều nhất ở Việt Nam đó là phải thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, chúng cho rằng “đa đảng là dân chủ, độc đảng là độc tài”, muốn có dân chủ thực sự phải thực hiện “đa nguyên, đa đảng”,... Đó chính là những hành động xuyên tạc nhằm kích động, chia rẽ nội bộ Đảng, Nhà nước với nhân dân...  ***2. Xét cả phương diện lý luận và thực tiễn***, Việt Nam chỉ cần một đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền đó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này được thể hiện trên các cơ sở:  - Về lý luận: Chủ nghĩa Mác – Lênin đã chỉ ra rằng, giai cấp công nhân chỉ có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình khi có một chính đảng cách mạng….  - Về thực tiễn:  + Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu, khách quan, xuất phát từ chính yêu cầu thực tiễn lịch sử, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Việt Nam (Được chứng minh từ 1930 đến nay);  + Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội là chính danh, hợp hiến và hợp pháp được khẳng định trong các văn bản pháp luật của Việt Nam;  + Đảng Cộng sản Việt Nam là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam;  Ví dụ: Điều 4 Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ghi như sau:  “1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.  2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.  3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.  + Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thực tế kiểm nghiệm qua những thành công, nhất là vào những bước ngoặt lịch sử, những lúc khó khăn của dân tộc (cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng XHCN);  -> Đảng Cộng sản Việt Nam là người đề ra cương lĩnh, đường lối, nghị quyết đưa cách mạng Việt Nam đi từng thắng lợi này đến thắng lợi khác…  -> Đảng Cộng sản Việt Nam là người tổ chức, thực hiện đường lối…  -> Đảng viên của Đảng là những người gương mẫu, tiên phong, cách mạng trong thực hiện đường lối…  + Nhân dân Việt Nam đã thừa nhận, ủng hộ Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền -> Nhân dân ta tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng… |